

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠ HUOAI  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 9 - 2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Nguyễn Xuân Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1969

Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Quang Th**, sinh năm: 1970

Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Th vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang Th đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 17

năm, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Quang Th.

- *Về con chung*: Bà H xác định có 04 con chung là Trần Công H, sinh ngày 25/11/1992; Trần Công C, sinh ngày 15/7/1995; Trần Công B, sinh ngày 02/8/1997 và Trần Công H1, sinh ngày 21/7/2000. Các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đồng thời, ông Th cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà H và ông Th được ly hôn. Về con chung thì các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Quang Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Th.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang Th đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Theo bà H thì bà và ông Th đã sống ly thân 17 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Th tham gia tố tụng nhưng ông Th vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có động thái gì để níu kéo tình

cảm vợ chồng. Việc ông Th vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng. Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay sau khi kết hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng níu kéo. Bà H và ông Th đã sống ly thân một thời gian dài nhưng cũng không thể trở về hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Th là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà H xác định có 04 con chung là Trần Công H, sinh ngày 25/11/1992; Trần Công C, sinh ngày 15/7/1995; Trần Công B, sinh ngày 02/8/1997 và Trần Công H1, sinh ngày 21/7/2000. Các con đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà H xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[3]*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 56 và 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ. Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang Th được ly hôn với nhau.

**2.** *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000175 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà H đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án, bà H, ông Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Vân Anh**

